TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐST-HNGĐ	*Thanh Liêm, ngày 21 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Lại Xuân Cảnh.

Thư ký phiên họp: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm tham gia phiên họp: ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật"; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn C (nay là thôn NC), xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn L (nay là thôn LC), xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: thôn CV, xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Sỹ Q1 - chức vụ: Chủ tịch UBND xã Liêm Thu ận; người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Phong - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã LT (văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 12 năm 2020); có mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: thôn TT, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Đ - chức vụ: Chủ tịch UBND xã LC; người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Thanh B - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã LC (văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2020); có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 24/11/2020 và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự - bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Đầu năm 1992, bà và ông Nguyễn Văn Q có quan hệ tình cảm, lúc đó bà chưa đủ tuổi kết hôn, còn ông Q đã đủ tuổi để kết hôn. Do không hiểu biết pháp luật, bà đã khai tăng tuổi của mình để đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm kết hôn, bà mới bước sang tuổi 15 (bà sinh ngày 18/12/1977) chứ chưa bước sang tuổi 18 - chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nên bà đã khai năm sinh của mình là năm 1972 (khai tăng 5 tuổi so với tuổi thật của bà) để đảm bảo về độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Lúc đó, UBND xã LC đã căn cứ vào lời khai về độ tuổi của bà để làm giấy giới thiệu xác nhận về tình trạng hôn nhân để bà đăng kí kết hôn với ông Nguyễn Văn Q tại UBND xã LT. Ngày 30/6/1992, UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam đã cấp chứng nhận kết hôn số 14 cho bà và ông Nguyễn Văn Q. Thực tế, ông Q sinh ngày 18/02/1971, nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn của bà và ông Q, UBND xã LT lại ghi ông Q sinh năm 1973. Do thời gian kết hôn đã lâu, bà không giữ được giấy chứng nhận kết hôn bản chính, nên bà chỉ xuất trình cho Tòa án bản Trích lục kết hôn (bản sao).

Sau khi kết hôn, bà và ông Q chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế khó khăn, nên ông bà sống ly thân từ năm 2003, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.

Nay, bà nhận thức việc khai tăng tuổi để đủ tuổi đăng ký kết hôn là sai, nên bà yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Về con chung: bà và ông Q có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 17/4/1995, Nguyễn Thị M - sinh ngày 08/11/1997. Hiện nay, các con của ông bà đều đã trưởng thành, lao động tự lập được, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản, công nợ công sức đóng góp bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị B trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 30/6/1992. Khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, ông và bà B còn trẻ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên đã tự ý khai không đúng tuổi thật của mình. Bà B lúc đó khai tăng tuổi là sinh năm 1972 để đảm bảo về độ tuổi kết hôn (năm sinh thật của bà B thì ông không biết), còn ông sinh năm 1971 nhưng trong đăng ký kết hôn ghi ông sinh năm 1973. Hiện nay, ông không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn do đã bị thất lạc.

Sau khi kết hôn, ông và bà B có nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay, ông nhận thấy việc bà B tự ý khai tăng độ tuổi để đăng kết hôn là sai, nên ông

nhất trí với yêu cầu của bà Bích, yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà B theo giấy chứng nhận kết hôn s ố 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT.

.- Về con chung : ông và bà Nguyễn Thị B có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 17/4/1995, Nguyễn Thị M - sinh ngày 08/11/1997; hiện nay, các con của ông bà đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành và tự lập được , nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: ông bà không có tài sản chung gì , nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, công sức đóng góp: ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai, người đại diện hợp pháp của Uỷ ban nhân dân xã LT trình bày:* bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện , đăng ký kết hôn tại UBND xã LT ngày 30/6/1992. Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống tại thôn L (nay là thôn LC), xã LT. Do trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nên ông bà sống ly thân từ năm 2003. Hiện nay, bà B sống ở thôn NC, xã LC còn ông Q sống ở thôn LC, xã LT. Trong quá trình chung sống cùng nhau, ông Q và bà B có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 17/4/1995, Nguyễn Thị M - sinh ngày 08/11/1997; ông bà không có con nuôi, con riêng.

Ngày 10/8/2020, UBND xã LT nhận được Đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B xin ly hôn ông Nguyễn Văn Q. UBND xã LT đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng ông bà và làm báo cáo về việc hòa giải ly hôn không thành gửi Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm. Ngày 25/8/2020, UBND xã LT tiếp tục nhận được Đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thị B. Sau khi nhận đơn, UBND xã LT đã tiến hành rà so át và xác minh thủ tục đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q, thấy rằng:

Tại thời điểm kết hôn (ngày 30/6/1992), bà Nguyễn Thị B là công dân xã LC, ông Nguyễn Văn Q là công dân xã LT. Trong sổ đăng ký kết hôn của UBND xã LT có ghi bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1972, ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1973. Theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu mà bà Nguyễn Thị B xuất trình thì bà Nguyễn Thị B sinh ngày 18/12/1977; còn theo Sổ hộ khẩu thì ông Nguyễn Văn Q sinh ngày 18/02/1971. Ngoài các tài liệu Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu do đương sự cung cấp , UBND xã LT không còn thu thập thêm được các tài liệu khác.

Như vậy, tại thời điểm kết hôn bà Nguyễn Thị B mới được 15 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Do xác minh không kỹ mà UBND xã LT chỉ căn cứ vào giấy giới thiệu của UBN D xã LC và tờ khai của công dân để đăng ký kết hôn cho bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q.

Nay, bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật , UBND xã LT yêu cầu Tòa án nhân dân huyệ n Thanh Liêm hủy việc kết hôn trái pháp luật giữ a bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

** Tại Bản đóng góp ý kiến, người đại diện hợp pháp của Uỷ ban nhân dân xã LC trình bày:* Ủy ban nhân dân xã LC đã nhận được Thông báo thụ lý việc dân sự số 110/2020/TB-TA ngày 30/11/2020 của Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật". UBND xã LC đã tiến hành rà soát và xác minh thông tin về công dân Nguyễn Thị B, thấy rằng:

Tại thời điểm kết hôn (ngày 30/6/1992), bà Nguyễn Thị B là công dân xã LC, ông Nguyễn Văn Q là công dân xã LT. Hiện tại, UBND xã LC không còn lưu giữ sổ sách, tài liệu liên quan đến việc đăng ký kết hôn từ năm 1992 của các công dân, nên UBND xã LC không có cơ sở để xác định thời điểm năm 1992 UBND xã LC có giấy giới thiệu bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT: thôn C (nay là thôn NC), xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam đi đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn Q - nơi ĐKHKTT: thôn L (nay là thôn LC), xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam hay không.

Qua kiểm tra sổ hộ khẩu: bà Nguyễn Thị B - sinh ngày 18/12/1977.

Theo Chứng minh nhân dân , Căn cước công dân , Sổ hộ khẩu mà bà Nguyễn Thị B xuất trình thì bà Nguyễn Thị B sinh ngày 18/12/1977. Ngoài các tài liệu như Sổ đăng ký kết hôn, Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân của bà B, UBND xã LC không còn thu thập thêm được các tài liệu khác . UBND xã LC không có tài liệu nào để xác định bà Nguyễn Thị B sinh năm 1972.

Như vậy, tại thời điểm kết hôn bà Nguyễn Thị B mới được 15 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Việc bà Nguyễn Thị B kết hôn với ông Nguyễn Văn Q khi chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Nay, bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TL hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; UBND xã LC có quan điểm như sau : đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm xem xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã tiến hành làm việc với Trạm Y tế xã LC, Trường Tiểu học LC và Trường THCS LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam để thu thập các tài liệu có liên quan đến năm sinh của bà Nguyễn Thị B, nhưng các đơn vị này không còn lưu giữ tài liệu gì có liên quan. Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã đề nghị Công an huyện Thanh Liêm cung cấp hồ sơ có liên quan đến bà Nguyễn Thị B. Tại hồ sơ hộ khẩu số 448, chủ hộ Nguyễn Văn Q do Công an huyện Thanh Liêm cung cấp thì ông Nguyễn Văn Q sinh năm 1971, bà Nguyễn Thị Bích sinh năm 1977.

Tại phiên họp,

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q cùng yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT. Về con

chung, tài sản, công nợ, công sức đóng góp: bà B và ông Q không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, bà Bích giao nộp 01 Giấy khai sinh (bản phô tô) mang tên Nguyễn Thị B - sinh ngày 18/12/1977.

- Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã LC và người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã LT yêu cầu Tòa án giải quyết việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm áp dụng Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 29, 149, 366, 367 và 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự - chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm nhận định:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị B có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi việc đăng ký kết hôn trái pháp luật được thực hiện là Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/6/1992 của UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam, thấy rằng: bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 30/6/1992 và đã có các con chung với nhau. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập xác định bà Nguyễn Thị B sinh ngày 18/12/1977, ông Nguyễn Văn Q sinh ngày 18/02/1971. Do xác minh không kỹ nên UBND xã LT đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà B và ông Q, đồng thời ghi trong giấy chứng nhận kết hôn - ông Q sinh năm 1973, bà Bích sinh năm 1972 là không chính xác. Như vậy, tính đến ngày

30/6/1992 thì bà B mới được 14 tuổi 06 tháng 12 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 (nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn). Việc bà B và ông Q kết hôn khi bà Bích chưa đủ điều kiện về tuổi đăng ký kết hôn là trái pháp luật. Đến nay, cả bà Bích và ông Q tuy đã đến tuổi kết hôn, nhưng cuộc sống của họ trong thời gian đã qua không có hạnh phúc, không có tình cảm vợ chồng. Việc bà B yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Q là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung, tài sản, công nợ, công sức đóng góp: bà B và ông Q không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị B không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 29, 149, 366, 367, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị B về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật".

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30 tháng 6 năm 1992 của UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Q phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị B không phải chịu lệ phí Tòa án.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp , có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành quyết định việc dân sự, người phải thi hành quyết định việc dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lại Xuân Cảnh